TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN CẨM GIÀNG** **TỈNH HẢI DƯƠNG** ----------	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** ----------

Bản án số: 18/2020/HS-ST
Ngày: 24 - 4-2020

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CẨM GIÀNG, TỈNH HẢI DƯƠNG

***Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà**:* bà Đoàn Thị Thúy.

Thư ký phiên toà: ông Nguyễn Việt Dũng – Thư ký Toà án nhân dân huyện Cẩm Giàng, tỉnh Hải Dương.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cẩm Giàng, tỉnh Hải Dương tham gia phiên toà: bà Lê Thị Hạnh - Kiểm sát viên.

Ngày 24 tháng 4 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Cẩm Giàng, tỉnh Hải Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý 15/2020/HSST ngày 20-3-2020 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 16/2020/QĐXXST- HS ngày 25-3-2020; Quyết định hoãn phiên tòa số 05/2020/HSST-QĐ ngày 01-4-2020; Quyết định hoãn phiên tòa số 06/2020/HSST-QĐ ngày 20-4-2020 đối với các bị cáo:

1. **Phạm Quốc B**, sinh năm 1974 tại xã CA, huyện CG, tỉnh HD; nơi cư trú: thôn PA, xã CA, huyện CG, tỉnh HD; nghề nghiệp: lao động tự do; trình độ văn hóa: 9/12; dân tộc: kinh; giới tính: nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Phạm Xuân Hiu (tên gọi khác: Phạm Văn H; ông H được Nhà nước tặng thưởng Huân chương kháng chiến hạng ba) và bà Hoàng Thị X; có vợ là Nguyễn Thị Lệ Mỹ, sinh năm 1981 và 03 con (con lớn nhất sinh năm 2007, con nhỏ nhất sinh năm 2013); tiền án, tiền sự: không;

Nhân thân: Ngày 05-01-2016, Công an huyện Cẩm Giàng Quyết định xử phạt vi phạm hành chính về hành vi đánh bạc;

Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 28-02-2020 đến ngày 02-3-2020; được thay đổi biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú; có mặt tại phiên tòa.

2. **Trần Văn Tr**, sinh năm 1972 tại xã CA, huyện CG, tỉnh HD; nơi cư trú: thôn ĐX, xã CA, huyện CG, tỉnh HD; nghề nghiệp: lao động tự do; trình độ văn hóa: 7/12; dân tộc: kinh; giới tính: nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Trần Văn

T1 và bà Nguyễn Thị N; có vợ là Nguyễn Thị X1, sinh năm 1985 và 01 con sinh năm 2006; tiền án, tiền sự: không;

Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 28-02-2020 đến ngày 02-3-2020; được thay đổi biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú; có mặt tại phiên tòa.

3. **Nguyễn Văn H**, sinh năm 1974 tại xã CA, huyện CG, tỉnh HD; nơi cư trú: thôn PA, xã CA, huyện CG, tỉnh HD; nghề nghiệp: lao động tự do; trình độ văn hóa: 7/12; dân tộc: kinh; giới tính: nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Văn H2 và Đỗ Thị D; có vợ là Bùi Thị H3, sinh năm 1976 và 03 con (con lớn nhất sinh năm 1997, con nhỏ nhất sinh năm 2005); tiền án, tiền sự: không;

Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 28-02-2020 đến ngày 02-3-2020; được thay đổi biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú; có mặt tại phiên tòa.

4. **Nguyễn Mạnh T**, sinh năm 1985 tại xã CA, huyện CG, tỉnh HD; nơi cư trú: thôn PA, xã CA, huyện CG, tỉnh HD; nghề nghiệp: lao động tự do; trình độ văn hóa: 12/12; dân tộc: kinh; giới tính: nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Văn T2 và bà Nguyễn Thị Đ; có vợ là Phạm Kiều C, sinh năm 1986 (đã ly hôn) và 01 con sinh năm 2011; tiền án, tiền sự: không;

Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 28-02-2020 đến ngày 02-3-2020; được thay đổi biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú; có mặt tại phiên tòa.

5. Nguyễn Văn B1, sinh năm 1971, tại xã CA, huyện CG, tỉnh HD; nơi cư trú: thôn ĐX, xã CA, huyện CG, tỉnh HD; nghề nghiệp: lao động tự do; trình độ văn hóa: 9/12; dân tộc: kinh; giới tính: nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Văn B1 và bà Nguyễn Thị V; có vợ là Cao Thị H4, sinh năm 1972 và 02 con (lớn sinh năm 1995, nhỏ sinh năm 1998); tiền án, tiền sự: không;

Nhân thân: Ngày 12-12-2005, Công an huyện Cẩm Giàng Quyết định xử phạt vi phạm hành chính về hành vi Đánh bạc;

Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 28-02-2020 đến ngày 02-3-2020; được thay đổi biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú; vắng mặt (có đơn xin xét xử vắng mặt).

6. Nguyễn Đình Đ, sinh năm 1990, tại xã CA, huyện CGiàng, tỉnh HD; nơi cư trú: thôn PA, xã CA, huyện CG, tỉnh HD; nghề nghiệp: lao động tự do; trình độ văn hóa: 12/12; dân tộc: kinh; giới tính: nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Văn D1(tên gọi khác Nguyễn Thế D1) và bà Nguyễn Thị H5; chưa có vợ; tiền án, tiền sự: không;

Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 28-02-2020 đến ngày 02-3-2020; được thay đổi biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú; có mặt tại phiên tòa.

Người chứng kiến: Chị Nguyễn Thị Lệ M, sinh năm 1981; địa chỉ: thôn PA, xã CA, huyện CG, tỉnh HD (vắng mặt tại phiên tòa).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Qua các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và quá trình xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Tối ngày 28-02-2020, Nguyễn Văn H, Nguyễn Mạnh T, Trần Văn Tr, Nguyễn Văn B1 đến nhà Phạm Quốc B ở thôn PA, xã CA, huyện CG, tỉnh HD chơi rồi cùng rủ nhau đánh ba cây bằng bộ bài tú lơ khơ có sẵn trong nhà B và được B đồng ý cùng chơi. B cầm bộ bài tú lơ khơ dẫn H, T, Tr, B1 đi lên tầng hai, thống nhất hình thức chơi như sau: khi bắt đầu chơi mỗi người tham gia phải đặt tiền ra trước mặt, mức đặt thấp nhất là 20.000đ; cao nhất là 50.000đ/ván. Sau đó, người cầm chương sẽ dùng bộ bài 36 quân chia đều cho mỗi người chơi 3 quân bài; người chơi cộng điểm 3 quân bài và so điểm với người cầm chương. Nếu số điểm là 10 hoặc 20 sẽ là số điểm to nhất. Nếu số điểm lớn hơn 10 hoặc lớn hơn 20 thì chỉ lấy số điểm ở hàng đơn vị để so sánh. Những người chơi, sau khi cộng điểm sẽ so sánh với số điểm của người cầm chương. Nếu số điểm của người cầm chương lớn hơn số điểm của người chơi thì người cầm chương sẽ thắng và ngược lại; nếu người chơi và người cầm chương có số điểm bằng nhau thì sẽ so theo quân bài to nhất trên tay của hai bên theo thứ tự Rô, Cơ, Tép, Bích; Át là nhỏ nhất, 9 là to nhất; nếu bài ai có Át rô là bài có chất cao nhất. Người cầm chương có trách nhiệm thu tiền của người thua và trả tiền cho người thắng. Nếu ai được 9 hoặc 10 điểm thì sẽ được số tiền gấp đôi số tiền đã đặt. Nếu trong ván chơi có người cộng điểm 3 quân bài được 10 điểm thì người chơi đó sẽ được cầm chương ở ván tiếp theo.

Khoảng 20 giờ 30 phút, H, T, Tr, B1 bắt đầu chơi; được khoảng 10 phút thì B tham gia cùng. Khoảng 21 giờ cùng ngày Nguyễn Đình Đ đến và tham gia chơi cùng đến 21 giờ 20 phút cùng ngày thì bị cơ quan CSĐT Công an huyện Cẩm Giàng phát hiện bắt quả tang; thu giữ tại nền nhà số tiền 7.840.000 đ và 01 bộ bài tú lơ khơ 36 cây; thu giữ trong người Triết 4.000.000đ mục đích dùng để đánh bạc. B khai nhận trước khi chơi có 840.000đ; Tr khai có 5.000.000đ; H khai có 2.200.000đ; T khai có 1.600.000đ; B1 khai có 1.000.000đ; Đ khai có 1.200.000đ đều mục đích sử dụng đánh bạc. Tổng số tiền các bị cáo dùng để đánh bạc là 11.840.000đ.

Quyết định truy tố theo thủ tục rút gọn số 16/QĐ-VKS ngày 18-3-2020, Viện kiểm sát nhân dân huyện Cẩm Giàng truy tố các bị cáo Phạm Quốc B, Trần Văn Tr, Nguyễn Văn H, Nguyễn Mạnh T, Nguyễn Văn B1, Nguyễn Đình Đ về tội đánh bạc, theo khoản 1 Điều 321 Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa các bị cáo đều thừa nhận hành vi chơi ba cây ăn tiền và khẳng định Viện kiểm sát nhân dân huyện Cẩm Giàng truy tố các bị cáo về tội danh và khung hình phạt là đúng, không có ý kiến bào chữa, tranh luận gì.

Bị cáo B1 có đơn xin xét xử vắng mặt và xin giảm nhẹ hình phạt.

Trong phần tranh luận tại phiên tòa, Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cẩm Giàng, tỉnh Hải Dương giữ nguyên quyết định truy tố đối với các bị cáo và đề nghị:

Về tội danh và hình phạt: Tuyên các bị cáo Phạm Quốc B, Trần Văn Tr, Nguyễn Văn H, Nguyễn Mạnh T, Nguyễn Văn B1, Nguyễn Đình Đ phạm tội đánh bạc.

Áp dụng khoản 1 Điều 321; điểm i,s khoản 1 Điều 51; Điều 17; Điều 58; khoản 1 và khoản 2 Điều 65 Bộ luật hình sự đối với bị cáo B, Tr, H; khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự đối với bị cáo B. Đề nghị xử phạt bị cáo B từ 08 đến 10 tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách từ 16 đến 20 tháng, kể từ ngày tuyên án sơ thẩm và thực hiện các nghĩa vụ trong thời gian thử thách theo quy định của Luật thi hành án hình sự. Xử phạt bị cáo Tr từ 07 đến 09 tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách từ 14 đến 18 tháng, kể từ ngày tuyên án sơ thẩm và thực hiện các nghĩa vụ trong thời gian thử thách theo quy định của Luật thi hành án hình sự. Xử phạt bị cáo H từ 06 đến 08 tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách từ 12 đến 16 tháng, kể từ ngày tuyên án sơ thẩm và thực hiện các nghĩa vụ trong thời gian thử thách theo quy định của Luật thi hành án hình sự. Giao bị cáo B, Tr, H cho UBND xã CA, huyện CG, tỉnh HD giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách.

Áp dụng khoản 1 Điều 321; điểm i, s khoản 1 Điều 51; Điều 17; Điều 58; khoản 1, 2, 3 Điều 36 Bộ luật hình sự. Đề nghị xử phạt bị cáo T từ 09 đến 11 tháng cải tạo không giam giữ; được trừ 03 ngày tạm giữ. Xử phạt bị cáo B1 từ 08 đến 10 tháng cải tạo không giam giữ; được trừ 03 ngày tạm giữ. Xử phạt bị cáo Đ từ 07 đến 09 tháng cải tạo không giam giữ; được trừ 03 ngày tạm giữ; Thời hạn tính từ ngày UBND xã CA, huyện CG, tỉnh HD nhận được quyết định thi hành án và bản sao bản án.

Khấu trừ từ 05-10% thu nhập hàng tháng của mỗi bị cáo T, B1, Đạo trong thời gian cải tạo không giam giữ.

Về xử lý vật chứng: áp dụng khoản 1 Điều 47 Bộ luật hình sự; điểm a khoản 2 Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự. Tịch thu sung vào ngân sách Nhà nước 11.840.000đ; Tịch thu tiêu hủy 01 bộ bài tú lơ khơ gồm 36 quân bài.

Về án phí: Áp dụng Điều 136 BLTTHS; Luật phí và lệ phí 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội, buộc mỗi bị cáo phải chịu 200.000đ án phí hình sự sơ thẩm.

Lời nói sau cùng trong phiên tòa: các bị cáo đề nghị Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt và cho các bị cáo được cải tạo tại địa phương.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên toà, Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa nhận thấy như sau:

[1] Về tố tụng: Hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện Cẩm Giàng, Điều tra viên; Viện kiểm sát nhân dân huyện Cẩm Giàng, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

Bị cáo B1 có đơn xin xét xử vắng mặt và được Thẩm phán chấp nhận. Căn cứ điểm c khoản 2 Điều 290 Bộ luật tố tụng hình sự, phiên tòa vẫn tiếp tục xét xử vắng mặt bị cáo Bổn.

[2] Về hành vi của các bị cáo: Lời khai của các bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai của các bị cáo, lời khai người chứng kiến tại cơ quan điều tra; phù hợp với Biên bản bắt người phạm tội quả tang vào hồi 21 giờ 30 phút ngày 28-02-2020, vật chứng thu giữ gồm bộ bài tú lơ khơ 36 quân, tiền và các tài liệu khác trong hồ sơ vụ án, có đủ cơ sở kết luận: Vào khoảng 20 giờ 30 phút đến 21 giờ 20 phút ngày 28-02-2020, tại nhà Phạm Quốc B ở thôn PA, xã CA, huyện CG, tỉnh HD, Phạm Quốc B, Trần Văn Tr, Nguyễn Văn H, Nguyễn Mạnh T, Nguyễn Văn B1, Nguyễn Đình Đ đã có hành vi chơi đánh ba cây sát phạt nhau bằng tiền thì bị phát hiện, bắt quả tang thu giữ 01 bộ bài tú lơ khơ 36 quân và số tiền sử dụng đánh bạc 11.840.000đ. Các bị cáo là những người có đủ năng lực trách nhiệm hình sự, nhận thức rõ hành vi đánh ba cây sát phạt nhau bằng tiền là vi phạm pháp luật, song vì hám lợi kiếm tiền nhanh nên các bị cáo vẫn cố ý thực hiện. Xét về hành vi và số tiền sử dụng đánh ba cây của các bị cáo đã đủ yếu tố cấu thành tội đánh bạc. Viện kiểm sát nhân dân huyện Cẩm Giàng truy tố các bị cáo Phạm Quốc B, Trần Văn Tr, Nguyễn Văn H, Nguyễn Mạnh T, Nguyễn Văn B1, Nguyễn Đình Đ về Tội đánh bạc theo quy định tại khoản 1 Điều 321 Bộ luật hình sự là có căn cứ, đúng pháp luật.

[3] Do các bị cáo thực hiện hành vi phạm tội bị bắt quả tang, sự việc phạm tội đơn giản, chứng cứ rõ ràng, tội phạm ít nghiêm trọng, các bị cáo đều có nơi cứ trú, lý lịch rõ ràng nên Tòa án áp dụng thủ tục rút gọn để xét xử đối với các bị cáo theo quy định tại các Điều 456, Điều 457, Điều 462, Điều 463 Bộ luật tố tụng hình sự.

[4] Hành vi phạm tội của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm trực tiếp đến trật tự cộng cộng, gây mất trị an trong thôn xóm, ảnh hưởng xấu đến tình hình an ninh xã hội của địa phương.

Đây là vụ án đồng phạm nhưng mang tính chất đồng phạm giản đơn vì không có sự chuẩn bị trước, không có tổ chức cấu kết chặt chẽ giữa những người cùng thực hiện tội phạm; quá trình điều tra không xác định được ai là người đề xuất;

Xét vai trò: bị cáo Tr tham gia từ đầu với số tiền đánh bạc nhiều nhất là 5.000.000đ; bị cáo B mặc dù vào sau 10 phút, số tiền sử dụng đánh bạc ít (là 840.000đ) nhưng đã dùng nhà ở của mình và chuẩn bị sẵn bộ bài cho các bị cáo cùng chơi nên đánh giá 2 bị cáo có vai trò ngang nhau, vai trò thứ nhất; bị cáo H tham gia từ đầu, có số tiền dùng vào việc đánh bạc nhiều thứ hai là 2.200.000đ nên giữ vai trò thứ hai trong vụ án; bị cáo T, B1 tham gia từ đầu có số tiền đánh bạc lần lượt là 1.600.000đ; 1.000.000đ; còn bị cáo Đ tham gia đánh bạc sau nhưng có số tiền đánh bạc nhiều hơn bị cáo Bổn (là 1.200.000đ) nên cả 3 bị cáo giữ vai trò sau cùng. Căn cứ Điều 17, Điều 58 Bộ luật hình sự, cần xem xét để có mức hình phạt tương xứng với hành vi phạm tội của từng bị cáo.

[5] Về nhân thân, tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự(TNHS):

- Về nhân thân: bị cáo B và B1 đều đã từng bị xử phạt hành chính về hành vi đánh bạc.

- Các bị cáo không phải chịu tình tiết tăng nặng TNHS.

- Tình tiết giảm nhẹ: các bị cáo đều lần đầu phạm tội và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo thành khẩn khai nhận hành vi phạm tội nên đều được hưởng tình tiết giảm nhẹ TNHS quy định tại điểm i, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự; Bị cáo B có bố đẻ được Nhà nước tặng huân chương kháng chiến hạng ba nên bị cáo được hưởng thêm tình tiết giảm nhẹ tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự.

Các bị cáo có nhiều tình tiết giảm nhẹ, có số tiền đánh bạc ít, đều không có tiền án, tiền sự và có nơi cư trú rõ ràng nên không cần thiết phải cách ly ra khỏi xã hội mà có thể cho các bị cáo được tại ngoại, cải tạo không giam giữ tại địa phương cũng đủ tác dụng giáo dục các bị cáo và phòng ngừa chung cho xã hội.

[6] Hình phạt bổ sung: các bị cáo đều ở nông thôn, có hoàn cảnh kinh tế khó khăn, là lao động chính trong gia đình, không có việc làm thu nhập ổn định, không có tài sản riêng. Thời gian đánh bạc không dài; số tiền sử dụng đánh bạc không lớn nên không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với các bị cáo.

[7] Về xử lý vật chứng:

Bộ bài tú lơ khơ gồm 36 quân là công cụ các bị cáo dùng đánh bạc, cần tịch thu cho tiêu hủy theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 47 Bộ luật hình sự và điểm a khoản 2 Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự.

Số tiền 11.840.000đ các bị cáo xác định sử dụng đánh bạc, tịch thu sung vào ngân sách Nhà nước theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 47 Bộ luật hình sự và điểm b khoản 2 Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự.

[8] Về án phí: các bị cáo bị kết án phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định tại khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự và Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội.

[9] Các vấn đề khác: quá trình các bị cáo đánh bạc tại nhà bị cáo B, chị Nguyễn Thị Lệ M (vợ bị cáo B) không biết nên không có căn cứ xử lý.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 321; điểm i,s khoản 1 Điều 51; Điều 17; Điều 58; khoản 1 và khoản 2 Điều 65 Bộ luật hình sự đối với bị cáo B, Tr, H; khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự đối với bị cáo B.

Tuyên bố bị cáo Phạm Quốc B, bị cáo Trần Văn Tr, bị cáo Nguyễn Văn H phạm Tội đánh bạc;

Xử phạt bị cáo Phạm Quốc B 08 (*tám)* tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách 16 (*mười sáu*) tháng, kể từ ngày tuyên án sơ thẩm và thực hiện các nghĩa vụ trong thời gian thử thách theo quy định của Luật thi hành án hình sự.

Xử phạt bị cáo Trần Văn Tr 07 (*bảy)* tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách 14 (*mười bốn*) tháng, kể từ ngày tuyên án sơ thẩm và thực hiện các nghĩa vụ trong thời gian thử thách theo quy định của Luật thi hành án hình sự.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn H 06 (*sáu)* tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách 12 (*mười hai*) tháng, kể từ ngày tuyên án sơ thẩm và thực hiện các nghĩa vụ trong thời gian thử thách theo quy định của Luật thi hành án hình sự.

Giao bị cáo B, Tr, H cho UBND xã CA, huyện CG, tỉnh HD giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách. Trong thời gian thử thách, nếu bị cáo B, Tr, H cố ý vi phạm nghĩa vụ theo quy định của Luật thi hành án hình sự 02 lần trở lên, thì Tòa án có thể quyết định buộc các bị cáo chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

Trường hợp bị cáo B, Tr, H thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại Điều 92 Luật thi hành án hình sự;

Căn cứ khoản 1 Điều 321; điểm i, s khoản 1 Điều 51; Điều 17; Điều 58; khoản 1, 2, 3 Điều 36 Bộ luật hình sự; điểm c khoản 2 Điều 290 Bộ luật tố tụng hình sự đối với bị cáo B1.

Tuyên bố bị cáo Nguyễn Mạnh T, bị cáo Nguyễn Văn B1, bị cáo Nguyễn Đình Đ phạm Tội đánh bạc

- Xử phạt bị cáo Nguyễn Mạnh T 09 (*chín)* tháng cải tạo không giam giữ; được trừ 03 ngày tạm giữ (từ ngày 28-02-2020 đến ngày 02-3-2020) bằng 09 ngày cải tạo không giam giữ. Bị cáo cònn phải chấp hành tiếp 08 (*tám*) tháng 21 (*hai mươi mốt*) ngày cải tạo không giam giữ. Thời hạn tính từ ngày UBND xã CA, huyện CG, tỉnh HD nhận được quyết định thi hành án và bản sao bản án.

- Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn B1 08 (*tám)* tháng cải tạo không giam giữ; được trừ 03 ngày tạm giữ (từ ngày 28-02-2020 đến ngày 02-3-2020) bằng 09 ngày cải tạo không giam giữ. Bị cáo cònn phải chấp hành tiếp 07 (*bảy*) tháng 21 (*hai mươi mốt*) ngày cải tạo không giam giữ. Thời hạn tính từ ngày UBND xã CA, huyện CG, tỉnh HD nhận được quyết định thi hành án và bản sao bản án.

- Xử phạt bị cáo Nguyễn Đình Đ 07 *(bảy)* tháng cải tạo không giam giữ; được trừ 03 ngày tạm giữ (từ ngày 28-02-2020 đến ngày 02-3-2020) bằng 09 ngày cải tạo không giam giữ. Bị cáo còn phải chấp hành tiếp 06 *(sáu)* tháng 21 (*hai mươi mốt*) ngày cải tạo không giam giữ. Thời hạn tính từ ngày UBND xã CA, huyện CG, tỉnh HD nhận được quyết định thi hành án và bản sao bản án.

Khấu trừ 10% thu nhập hàng tháng của mỗi bị cáo T, B1, Đ trong thời gian cải tạo không giam giữ sung vào ngân sách Nhà nước.

Giao các bị cáo T, B1, Đ cho UBND xã CA huyện CG, tỉnh HD, nơi các bị cáo cư trú giám sát và giáo dục trong thời gian cải tạo không giam giữ.

Biện pháp tư pháp: căn cứ khoản 1 Điều 47 Bộ luật hình sự.

Tịch thu sung vào ngân sách Nhà nước số tiền 11.840.000đ, được niêm phong bằng 02 phong bì thư dán kín.

Về vật chứng: căn cứ điểm a khoản 2 Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự.

Tịch thu tiêu hủy 01 bộ bài tú lơ khơ gồm 36 quân bài được niêm phong bằng 01 phong bì thư dán kín.

(Tiền và vật chứng theo biên bản giao nhận vật chứng ngày 23-3-2020).

Về án phí: căn cứ khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự; nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội.

Các bị cáo Phạm Quốc B, Trần Văn Tr, Nguyễn Văn H, Nguyễn Mạnh T, Nguyễn Văn B1, Nguyễn Đình Đ, mỗi bị cáo phải chịu 200.000đ án phí hình sự sơ thẩm.

Về quyền kháng cáo: căn cứ Điều 331, Điều 333 Bộ luật tố tụng hình sự.

Bị cáo B1 vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Các bị cáo B, Tr, H, T, Đ có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Nơi nhận:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

- Bị cáo;
- VKSND huyện Cẩm Giàng;
- VKSND tỉnh Hải Dương;
- Cơ quan CSĐT - Công an huyện Cẩm Giàng;
- Cơ quan THAHS- Công an huyện Cẩm Giàng;
- Chi cục THSDS huyện Cẩm Giàng;
- Sở tư pháp tỉnh Hải Dương;
- Lưu hồ sơ vụ án.

(Đã ký)